

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-PT

Ngày: 23/3/2021

V/v: *Kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng và ông Nguyễn Trọng Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLPT-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2020, về việc “*Kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSTC-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H;

Địa chỉ: Đội A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Triệu Thị H; Địa chỉ: Tổ dân phố B1, phường T, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Dương Thị N;

Địa chỉ: Số nhà C1, tổ dân phố B2, phường N, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

4. Người kháng cáo: Ông Cao Đăng N - là nguyên đơn trong vụ án.

Có mặt bà Nguyễn Thị H, bà Triệu Thị Hồng, ông Nguyễn Mạnh H, bà Dương Thị N; ông Cao Đăng N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có quen biết từ trước, vợ chồng ông Cao Đăng N, Nguyễn Thị H có vay của vợ chồng bà Dương Thị N, ông Nguyễn Mạnh H tổng số tiền 640.000.000 đồng để kinh doanh, lãi xuất thỏa thuận miệng 2.000.000 đồng/01 triệu một ngày, không ghi vào giấy vay; cụ thể theo các giấy vay sau:

- Giấy vay tiền ngày 12/4/2017, số tiền vay 470.000.000 đồng;
- Giấy vay tiền ngày 29/4/2017, số tiền vay 20.000.000 đồng;
- Giấy vay tiền ngày 26/6/2017, số tiền vay 150.000.000 đồng.

Ba giấy vay tiền này đều do ông Cao Đăng N viết nội dung vay, số tiền vay trên giấy vi tính sẵn do bà Dương Thị N cung cấp; mặt sau giấy vay tiền có chữ viết của bà Dương Thị N với nội dung tính lãi và chốt nợ của ba giấy vay trên.

Sau khi vay, từ ngày 20/4/2017 đến ngày 03/4/2019 ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H đã chuyển trả qua BIDV Điện Biên, từ tài khoản số 36010000204453 của ông Cao Đăng N và tài khoản số 36010000396925 của bà Nguyễn Thị H, sang tài khoản số 36010000191333 của ông Nguyễn Mạnh H tổng số tiền là 904.000.000 đồng. Khi chuyển tiền vào tài khoản ghi nội dung: "*Chuyển tiền trả nợ*", "*Chuyển tiền trả nợ lãi*", "*Chuyển tiền trả nợ chị N một phần trước*" hoặc không ghi nội dung gì. Ngoài chuyển khoản trả nợ, ông bà Cao Đăng N, Nguyễn Thị H còn trừ vào khoản nợ số tiền 3.000.000 đồng do ông Nguyễn Mạnh H nợ tiền bia. Tổng cộng đã chuyển trả nợ qua Ngân hàng và trừ nợ qua tiền ông Nguyễn Mạnh H nợ bia là 907.000.000 đồng.

Đối trừ với 640.000.000 đồng tiền vay, thì ông bà Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã trả nợ thừa 267.000.000 đồng; lý do: Trong thời gian trả nợ, xe của ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H gặp tai nạn làm chết nhiều người, bà Dương Thị N lại thường xuyên hối thúc trả nợ, nên ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H rối loạn không kiểm soát được tài khoản tại Ngân hàng. ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã gặp ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N để tính toán đối trừ nợ và đòi lại tiền chuyển thừa (*sau khi trừ lãi*) nhưng không được, việc này được thực hiện trước khi có bản án của Tòa huyện.

Ngày 16/12/2018, bà Dương Thị N cùng 06 người khác đến kho hàng của gia đình ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H, yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả hết toàn bộ số nợ; khi đó ông Cao Đăng N không ở nhà. Đến tối cùng ngày, ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đến nhà ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N; tại đây bà Dương Thị N đã ép ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H ký một giấy chốt nợ là 275.000.000 đồng và trả lại ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H ba giấy vay tiền nói trên 275.000.000 đồng này không phải là khoản tiền vay mới, mà là tiền sau khi chốt nợ; do bà Dương Thị N tính lãi cao, nên ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã ký vào giấy chốt nợ nhưng không có ai làm chứng và cũng không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho tòa. Ngày 10/5/2019 bà Dương Thị N khởi kiện ông

Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H ra tòa án nhân dân huyện Đ yêu cầu trả số tiền 275.000.000 đồng đã ép ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H ký giấy nhận nợ. Khi được Tòa án thông báo về việc này, ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã cộng lại các khoản tiền đã chuyển trả thì phát hiện đã trả nợ thừa cho ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên tại phiên hòa giải lần một ngày 16/7/2019 ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã không yêu cầu đối trừ số tiền đã chuyển thừa. Tại phiên hòa giải lần hai ngày 22/8/2019, ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã trình bày số tiền 275.000.000 đồng là do cộng trừ các khoản vay từ năm 2017 đến ngày chốt nợ (16/12/2019) chứ không phải nợ mới, yêu cầu Tòa án đối trừ các lần đã chuyển trả qua tài khoản từ năm 2017 nhưng không được Tòa án chấp nhận. Tại bản án số 01/2019/DS-ST ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định buộc ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Dương Thị N 262.487.800 đồng (275.000.000 đồng nợ gốc, trừ đi 30.000.000 đồng đã chuyển trả sau ngày 16/12/2019, còn 245.000.000 đồng tiền gốc và 17.487.800 đồng tiền lãi), mặc dù bị đơn đã chuyển trả nợ thừa qua tài khoản của ông Nguyễn Mạnh H như đã trình bày ở trên.

(Số tiền 30 triệu đồng trừ đi là khoản tiền nguyên đơn chuyển trả bị đơn sau ngày 16/12/2018 gồm 11 mã sau: Mã 1 Ngày 17/01/2019 là 10.000.000 đồng; mã 2 ngày 21/01/2019 là 3.600.000 đồng; mã 3 ngày 23/01/2019 là 1.400.000 đồng; mã 4 ngày 22/2/2019 là 8.500.000 đồng; mã 5 ngày 14/02/2019 là 1.000.000 đồng; mã 6 ngày 08/3/2019 là 3.000.000 đồng; mã 7 ngày 18/3/2019 là 4.200.000 đồng; mã 8 ngày 30/3/2019 là 5.000.000 đồng; mã 9 ngày 01/4/2019 là 7.200.000 đồng; mã 10 ngày 30/4/2019 là 2.200.000 đồng và trừ nợ bia và nước ngọt của bị đơn 3.000.000 đồng). Những mã này cộng lại được 49.100.000 đồng, nhưng mới chỉ được Tòa huyện Đ đối trừ 30.000.000 đồng vào số 275.000.000 đồng như đã trình bày ở trên.

Trong số 640.000.000 đồng ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H vay ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N, ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đồng ý trả 21.700.000 đồng tiền lãi, cụ thể lãi tính như sau:

- Số tiền 470.000.000 đồng vay ngày 12/4/2017 không kỳ hạn, không ghi lãi trong giấy vay: Ngày 20/4/2017 trả 180.000.000 đồng; lãi vay 08 ngày theo quy định là: $470.000.000 \times 10\% : 365 \times 8 = 1.000.000$ đồng (tính chẵn). Còn 290.000.000 đồng tiền gốc trả từ ngày 23/5/2017 đến 21/10/2017 là hết; số tiền lãi 05 tháng là: $290.000.000 \times 10\% : 365 \times 150 = 12.000.000$ đồng (tính chẵn);

- Số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 29/4/2017, hạn trả 29/12/2017 (08 tháng) không ghi lãi xuất trong giấy vay: Từ ngày 13/02/2018 đến ngày 09/3/2018 trả hết 20.000.000 đồng; số tiền lãi là $20.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 240 \text{ ngày} = 1.300.000$ đồng (tính chẵn).

- Số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 26/6/2017, hạn trả 26/12/2017 (06 tháng), không ghi lãi xuất trong giấy vay: Từ ngày 21/10/2017 đến ngày 05/2/2018 trả hết 150.000.000 đồng; số tiền lãi là $150.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365$

ngày x 180 ngày = 7.400.000 đồng (*tính chẵn*).

Số tiền lãi của 03 khoản vay ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đồng ý trả là: 1.000.000 + 12.000.000 + 1.300.000 + 7.400.000 = 21.700.000 đồng.

Đổi trừ số tiền 907.000.000 đồng đã chuyển trả từ ngày 20/4/2017 đến ngày 03/4/2019 và tiền ông Hùng nợ bia, ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N phải trả lại cho Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H 245.300.000 đồng, tính chẵn là 245.000.000 đồng tiền đã chuyển trả nợ thừa.

Ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H phát hiện ra việc chuyển trả nợ thừa vào ngày 28/5/2019 (ngày ra ngân hàng in bảng sao kê để ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H nộp cho Tòa án huyện Đ), nên ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N phải trả chịu lãi theo quy định của số tiền chuyển thừa.

Tại đơn khởi kiện, ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N phải trả 299.000.000 đồng; trong đó gồm 245.000.000 đồng tiền gốc đã chuyển trả nợ thừa và 54.000.000 đồng tiền lãi của số tiền này từ ngày 22/3/2018 (*ngày chuyển thừa tiền đầu tiên*) đến ngày 22/6/2020 (*ngày viết đơn khởi kiện*) tính tròn là 27 tháng với mức 10% một tháng. **Ngày 28/7/2020 nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:** Tổng số tiền đã chuyển trả và trừ nợ vào bia là 907.000.000 đồng, trừ đi 30.000.000 đồng đã đổi trừ tại bản án của huyện Đ nói trên, trừ đi 640.000.000 đồng tiền gốc tại ba giấy vay tiền; trừ đi 21.700.000 đồng tiền lãi của ba giấy vay tiền này (*nguyên đơn tự tính và tự nguyện trả theo quy định*) còn 215.300.000 đồng chuyển thừa. Số liệu khởi kiện ban đầu 245.000.000 đồng là chưa chính xác; vì vậy nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bị đơn trả 215.300.000 đồng tiền chuyển trả thừa và 47.778.000 đồng tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 22/3/2018 (*ngày chuyển thừa tiền đầu tiên*) đến ngày 22/6/2020 (*ngày viết đơn khởi kiện tính tròn tháng*) là 27 tháng với mức 10% một năm; không yêu cầu lãi phát sinh tính đến ngày xét xử. Rút yêu cầu đối với số tiền gốc là 29.700.000 đồng và tiền lãi là 6.222.000 đồng.

Ngày 14/8/2020 nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Do không thu thập được chứng cứ về mã trả nợ ngày 14/2/2019 với số tiền 1.000.000 đồng và trong số tiền 3.000.000 đồng bị đơn nợ tiền bia và nước ngọt, nguyên đơn chỉ cung cấp được chứng cứ bị đơn nợ 1.529.000 đồng tiền bia và nước ngọt; vì vậy nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền khởi kiện 1.000.000 tiền chuyển trả thừa và 1.471.000 đồng tiền bị đơn nợ bia cùng lãi tương ứng.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Bị đơn cho nguyên đơn vay 640.000.000 đồng với lãi xuất cao 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày; nguyên đơn đã trả cho bị đơn 197.000.0000 đồng tiền lãi và 36.640.000 đồng là tiền chuyển tiền thừa. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền lãi và tiền chuyển thừa. Nhưng nguyên đơn không có tài liệu chứng minh việc này nên nguyên đơn phải khởi kiện là đòi lại tiền chuyển thừa như đã khởi kiện ban đầu.

Yêu cầu khởi kiện sau cùng: Tiền gốc chuyển trả nợ thừa là 215.300.000 đồng trừ đi 2.471.000 đồng, còn 212.829.000 đồng; Tiền lãi 47.778.000 đồng trừ đi lãi tương ứng của số tiền gốc 2.471.000 đồng đã rút, tính tròn là **548.358** đồng, còn lại là **47.229.642** đồng, yêu cầu trả lãi tính tròn là 47.000.000 đồng; không yêu cầu lãi phát sinh tính đến ngày xét xử.

Trước đây, nguyên đơn đã khởi kiện vụ án này ra tòa, nhưng nguyên đơn đã rút đơn để yêu cầu Tòa án cấp cao xem xét lại bản án của Tòa án huyện Đ vì nguyên đơn đã trả hết nợ nhưng bị đơn lại ép ký giấy nhận nợ. Đến ngày 29/6/2020 nguyên đơn khởi kiện lại vụ án, những tài liệu chứng cứ thẩm phán trước đã thu thập là khách quan, nguyên đơn không có ý kiến gì về việc này.

2. Tại đơn đề nghị 28/7/2020 và trong quá trình giải quyết, các bị đơn trình bày:

Chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đối với chúng tôi vì những lý do sau:

Chúng tôi không nợ tiền ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H. Khoảng từ năm 2015, 2016 chúng tôi nhiều lần có cho vợ chồng ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H vay tiền để giải quyết công việc của gia đình. ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H trả nợ cho chúng tôi có lúc bằng chuyển khoản, có lúc bằng tiền mặt, nay chúng tôi không thể nhớ được cụ thể. Khi cho vay chúng tôi có lập giấy vay những khoản lớn từ 10 triệu trở lên, có những khoản dưới 10 triệu chúng tôi không làm giấy tờ. Chúng tôi cho ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H vay trực tiếp bằng tiền mặt. Hai bên có thỏa thuận lãi vay và có ghi mức lãi vay vào giấy vay, lãi trong từng thời điểm cho vay có khác nhau, nhưng cao nhất là 1,6% một tháng (*khoảng hơn 500 đồng một triệu một ngày*). Sau khi tính toán với nhau từng khoản nợ và ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H trả hết nợ cho vợ chồng tôi bằng chuyển khoản thì chúng tôi trả giấy nợ gốc cho ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H tự hủy hoặc chúng tôi hủy giấy nợ gốc trước mặt ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H. Trong số tiền ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H chuyển trả cho chúng tôi có những khoản để trả khoản nợ trước cả thời điểm tháng 4/2017 như ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H đã kê ra và nộp cho Tòa, chúng tôi không nhớ chính xác nhưng ít nhất có khoản 180.000.000 đồng chuyển ngày 20/4/2017. Ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H lấy tổng các khoản chuyển khoản qua Ngân hàng cho vợ chồng tôi trừ đi tổng số nợ trên ba giấy vay tiền đã nộp cho Tòa là không đúng.

Theo tài liệu chứng cứ ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H cung cấp thì chỉ có 03 giấy vay, nhưng thực tế còn nhiều giấy vay khác mà sau khi thanh toán nợ chúng tôi đưa lại cho ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H để hủy đi hoặc chúng tôi đã hủy trước mặt vợ chồng ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H. Chúng tôi không nhớ được có bao nhiêu giấy vay, không nhớ từ khi ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H vay tiền chúng tôi thì đã vay bao nhiêu tiền, bao nhiêu lần. Ba giấy vay nợ ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H nộp cho Tòa đều không có chữ ký của vợ chồng tôi bên người cho vay, cũng không phải chữ viết của vợ chồng tôi ở phần

nội dung giấy vay. Những giấy này đều là bản nháp ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H nhét ở đâu tôi không biết. Nội dung đằng sau các giấy vay này tôi (N) viết khi tính toán công việc, tiền nong gia đình, không liên quan gì đến các khoản nợ của ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H. Chúng tôi không thừa nhận 03 giấy nợ này dùng để trừ nợ. Những khoản tiền ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H chuyển trả cho chúng tôi không ghi trả gốc hay lãi, trong tổng số tiền chuyển trả có cả gốc và lãi, mức lãi xuất cũng không cố định mà theo từng khoản vay. Khi thống nhất rồi ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H mới chuyển trả tiền cho chúng tôi. Chúng tôi không còn tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho Tòa vì việc cho vay đã được thanh toán xong, có những khoản chúng tôi còn không thu lãi của ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H. Chúng tôi cũng không mua bia, nước ngọt của ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H để phải tính vào tiền nợ.

Khoản nợ 275.000.000 đồng giải quyết tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên là khoản nợ ngày 16/12/2018, hạn trả nợ 30/3/2019, nợ sau khi ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H trả nợ trước đây cho chúng tôi, không liên quan đến những khoản nợ trước và có giấy biên nhận riêng; khi giải quyết đã trừ đi 30.000.000 đồng ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H chuyển trả trong thời gian sau ngày 16/12/2018 trở lại đây. Ngoài ra chúng tôi trước đây cũng có những giao dịch chuyển tiền khác cho nhau mà không phải trả nợ như mua bán hàng hóa... do đã lâu chúng tôi không thể nhớ được.

Khoản tiền ông Cao Đăng N đã chuyển trả nợ cho tôi sau ngày 16/12/2018 trước đây tôi và bà Nguyễn Thị H đã cộng, thống nhất chỉ có 30.000.000 đồng, nên chỉ đối trừ 30.000.000 đồng vào số nợ 275.000.000 đồng tại Bản án của TAND huyện Đ. Sau ngày 16/12/2018 ông Cao Đăng N còn vay nóng vợ chồng tôi một số tiền để lo công việc riêng (đã lâu nên tôi không nhớ là bao nhiêu), do vậy nếu có những khoản tiền khác ngoài số tiền 30.000.000 đồng trên đây thì cũng là những khoản ông Năm chuyển để trả khoản vay nóng như tôi đã trình bày ở trên, khi giải quyết ở TAND huyện Đ thì hai bên không có tranh chấp về những việc này mà chỉ đối trừ số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H ra, chúng tôi còn cho nhiều người khác vay tiền. Giấy tờ thanh toán gốc và lãi hiện chúng tôi không còn lưu lại, chúng tôi đã hủy khi thanh toán xong.

Tài khoản của tôi (Nguyễn Mạnh H) nhận tiền ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H trả là: 36010000191333 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh tỉnh Điện Biên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSTC-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng 38.393.000 đồng (*gồm 32.471.000 đồng tiền gốc và 6.222.000 đồng tiền lãi*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đăng N (*tên khác Cao Đăng Q*) và bà Nguyễn Thị H về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H và bà Dương Thị N phải trả số tiền chuyển trả nợ thừa là 212.529.000 đồng tiền gốc

và 47.000.000 đồng tiền lãi.

3. Án phí: Ông Cao Đăng N (*tên khác Cao Đăng Q*) và bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.991.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào 7.475.000 đồng tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000177 ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên; ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 5.516.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2020 TAND thành phố P nhận được đơn kháng cáo của ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H, kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2020/DSTC-ST ngày 19/11/2020 của TAND thành phố P, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H và bà Dương Thị N trả số tiền nợ thừa là 212.829.000 đồng tiền gốc và 47.000.000 đồng tiền lãi.

Đại diện VKSND tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Số tiền ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H chuyển trả cho ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N từ ngày 20/4/2017 đến ngày 03/4/2019 tổng số tiền 907.000.000 đồng qua Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh BIDV tỉnh Điện Biên, từ tài khoản số 36010000204453 của ông Cao Đăng N (Cao Đăng Q) và tài khoản số 36010000396925 của bà Nguyễn Thị H, đến tài khoản số 36010000191333 của ông Nguyễn Mạnh H là do trả cho các lần vay mượn khác, ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N có cho gia đình ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H vay tiền rất nhiều lần, có thỏa thuận lãi xuất, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, các lần trả đều cùng nhau đối chiếu giữa số tiền vay và số tiền trả, sau khi trả đều thống nhất hủy giấy vay gốc, do đó việc ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H cho rằng chuyển thừa số tiền 212.829.000 đồng tiền gốc và 47.000.000 đồng tiền lãi cho ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N là không có căn cứ để chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” và áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2020 bà Triệu Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi đơn kháng cáo trong hạn luật định nên việc kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện thì ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N phải trả 299.000.000 đồng; trong đó gồm 245.000.000 đồng tiền gốc và 54.000.000 đồng tiền lãi. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 38.393.000 đồng gồm 32.171.000 đồng tiền gốc và 6.222.000 đồng tiền lãi. Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với số tiền này là đúng quy định theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

Đối với việc ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H cho rằng số tiền 907.000.000 đồng ông bà đã chuyển cho ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N để trả nợ cho ba khoản vay 640.000.000 đồng theo giấy vay tiền đã nộp cho Tòa án (BL 50 – 52). Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình về việc chuyển số tiền 907.000.000 đồng là để trả cho khoản nợ nào, theo giấy vay tiền nào. Ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N cho rằng ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H vay nhiều lần, nhiều khoản không nhớ cụ thể mỗi lần ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H trả nợ thì ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N trả lại giấy vay tiền hoặc hủy đi. Ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N không thừa nhận ba giấy vay tiền mà ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H nộp cho Tòa án vì giấy này do ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H tự viết không có chữ ký của ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N là bên cho vay. Do vậy việc ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H cho rằng khoản tiền 907.000.000 đồng chỉ để trả cho khoản nợ 640.000.000 đồng là không có căn cứ.

Do không chấp nhận số tiền 212.829.000 đồng tiền gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét đến khoản tiền lãi.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng ông Cao Đăng N bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H bà Dương Thị N phải số tiền chuyển trả nợ thừa sau khi thay đổi yêu cầu khởi kiện là 212.829.000 đồng ($245.000.000.000 - 30.000.000 - 2.171.000 = 212.529.000$ đồng) và 47.000.000 đồng tiền lãi ($54.000.000 - 6.770.358 = 47.229.642$ đồng nhưng làm tròn thành 47.000.000 đồng) là không có căn cứ. Vì vậy cần bác kháng cáo của ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1,3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với tổng 38.393.000 đồng, (gồm 32.171.000 đồng tiền gốc và 6.222.000 đồng tiền lãi).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Đăng N (tên khác Cao Đăng Q) và bà Nguyễn Thị H về việc: Yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H và bà Dương Thị N phải trả số tiền chuyển trả nợ thừa là 212.829.000 đồng tiền gốc và 47.000.000 đồng tiền lãi.

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Đăng N (tên khác Cao Đăng Q) và bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.991.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào 7.475.000 đồng tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000177 ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên; ông Cao Đăng N và bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 5.516.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Cao Đăng N (tên khác Cao Đăng Q) và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2020/0000421 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Điện Biên.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/3/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND TP P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu HS; HCTP..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Lịch

